TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2020/QĐST-HNGĐ	*Bá Thước, ngày 03 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST/ HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B ; Sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn K , xã Văn N , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Văn G ; Sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Thôn K , xã V N , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị B và anh Hà Văn G .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Hà Văn G đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Hà Văn G tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn anh Hà Văn G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Văn T ; Sinh ngày 12/5/2006 và cháu Hà Thị T Nhi; Sinh ngày: 30/11/2009 cho đến khi thành niên, anh Giáp không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Trần Thị B và anh Hà Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị Trần Thị B và anh Hà Văn G khai không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị B và anh Hà Văn G tự nguyện thỏa thuận: Chị Trần Thị B chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ, hoàn trả lại cho chị B 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: AA/2018/0005227 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- UBND xã Cư Pui, huyện Krông Bông;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên